

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Tài.

Bà Phạm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị Hồng T chung sống với nhau từ năm 2009, trước đó có tìm hiểu khoảng hơn 01 năm, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 28-12-2010. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình anh tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho đến khi ly thân vào năm 2019 (trong đó có khoảng thời gian 03 năm vợ chồng về xã C, huyện G sống cùng với gia đình bên vợ).

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29-8-2012 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 05-10-2016. Hiện cả 02 cháu đều

đang sống với anh. Hỗ trợ cho vợ chồng anh trong việc nuôi con có mẹ vợ anh đến sống cùng để chăm sóc các con.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống gia đình khó khăn, lại phải nuôi con nhỏ nên thiếu hụt mọi thứ. Mặt khác, vợ anh nghi ngờ anh quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường xuyên nhảu tin chửi bới anh. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Theo anh được biết hiện vợ anh đã có tình cảm với người đàn ông khác.

Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với vợ anh là chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con. Anh không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn); về con chung, về tài sản chung và về nợ chung.

Về mâu thuẫn, theo chị vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, chủ yếu là về vấn đề tình cảm. Do chồng chị đi làm và quen người phụ nữ khác, về nhà lạnh nhạt và không quan tâm đến vợ con. Chồng chị thừa nhận đã chung sống với người phụ nữ khác và không còn yêu thương chị nữa. Chị có đến nhà người phụ nữ này và yêu cầu chấm dứt với chồng chị. Sau đó người này ra điều kiện với chồng chị là muốn sống cùng với người này thì phải ly hôn với chị. Từ đó, chồng chị về yêu cầu chị ký đơn ly hôn nhưng chị không đồng ý.

Vì buồn chồng nên đầu năm 2023 chị qua tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc. Cho đến hiện tại, chị đã có tình cảm với người đàn ông khác.

Nay chị đồng ý ly hôn với chồng chị là anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Do hiện tại chị đi làm xa, chưa có điều kiện nuôi con nên chị đồng ý giao 02 con cho chồng chị nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn P đối với chị Nguyễn Thị Hồng T. Giao 02 con chung cho anh Nguyễn Văn P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không

phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Hồng T, chung sống với nhau vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 28-12-2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh P có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị, thì thấy: Anh chị mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh vấn đề tình cảm, anh P cho rằng chị T ghen tuông vô cớ. Chị T cho rằng anh P có người phụ nữ khác nên không còn quan tâm đến vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không giải quyết được mà để mặc mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến hiện tại thì chị T thừa nhận đã có tình cảm với người đàn ông khác, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Khi anh P yêu cầu ly hôn, chị T chấp nhận. Tuy nhiên, anh chị đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không ra được quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung gồm Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29-8-2012 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 05-10-2016. Anh chị thống nhất giao 02 con cho anh P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận giữa anh chị là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Văn P đối với chị Nguyễn Thị Hồng T. Anh P được ly hôn với chị T.

2/. Về con chung: Giao anh P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29-8-2012 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 05-10-2016. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Anh Phước H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0025415 ngày 21-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh P đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thành Long, h Châu Thành, TN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh

